TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2025/QĐST-DS	*Quảng Ninh, ngày 18 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 155, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 293, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 204/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C; địa chỉ: số A T, phường C, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh B - chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Hồng Q – chức danh: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Q1;

Người nhận ủy quyền lại: bà Hoàng Thị Thanh V, chức danh: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Q1; bà Trần Thị Thu H, Trưởng Phòng Tổng hợp; ông Vũ Đức T, là Phó Phòng Tổng hợp; địa chỉ liên hệ: đường B, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

* Bị đơn: anh Phạm Văn H1, sinh năm 1977 và chị Nguyễn Thị H2, sinh

năm 1988; đều cùng nơi cư trú: tổ G, khu D, phường H, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền phải trả:

Anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C (tạm tính đến hết ngày 08/8/2025) số tiền là: 329.526.987 (ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi bảy) đồng; bao gồm: nợ gốc là 307.450.000 (ba trăm linh bảy triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng; nợ lãi trong hạn là 20.881.800 (hai mươi triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn, tám trăm) đồng, lãi quá hạn là 1.195.187 (một triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm tám mươi bảy) đồng, cụ thể:

Theo Hợp đồng cho vay số 113/2022-HĐCV/NHCT30035 ngày 05/8/2022, anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền là 203.639.503 (hai trăm linh ba triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm linh ba) đồng; bao gồm: nợ gốc là 189.950.000 (một trăm tám mươi chín triệu, chín trăm năm mươi nghìn) đồng, nợ lãi là 12.964.958 (mười hai triệu, chín trăm sáu mươi tư nghìn, chín trăm năm mươi tám) đồng, lãi quá hạn là 724.545 (bảy trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi lăm) đồng.

Theo Hợp đồng cho vay số 210/2023-HĐCV/NHCT30035 ngày 30/11/2023, anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền là 125.887.484 (một trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm tám mươi tư) đồng; bao gồm: nợ gốc là 117.500.000 (một trăm mười bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng, nợ lãi là 7.916.842 (bảy triệu, chín trăm mười sáu nghìn, tám trăm bốn mươi hai) đồng, lãi quá hạn là 470.642 (bốn trăm bảy mươi triệu, sáu trăm bốn mươi hai) đồng.

2.2 Về thời hạn trả nợ:

- Chậm nhất ngày 28/8/2025, anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng;

- Chậm nhất ngày 30/11/2025, anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền là 249.526.987 (hai trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi bảy) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 09/8/2025 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 113/2022-HĐCV/NHCT30035 ngày 05/8/2022; Hợp đồng cho vay số 210/2023-HĐCV/NHCT30035 ngày 30/11/2023.

Trong trường hợp đến hết ngày 28/8/2025, anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C thì coi là vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 08/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 113/2022-HĐCV/NHCT30035 ngày 05/8/2022; Hợp đồng cho vay số 210/2023-HĐCV/NHCT30035 ngày 30/11/2023, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.5 Trường hợp đến hạn mà anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số tiền là 329.526.987 (ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi bảy) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09/8/2025 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng quyền sử dụng 232,6m^2 đất, thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ số 28; địa chỉ: tổ I, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA692357, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH03008, do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 10/6/2015 để thu hồi nợ (theo hợp đồng thế chấp số 113/2022/HĐBĐ/NHCT30035 ngày 04/8/2022, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Q1 – Phòng G và anh Phạm Văn H1, chị Nguyễn Thị H2).

2.6 Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần C thì anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

2.7. Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ): anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 chịu 9.700.000 (chín triệu, bảy trăm nghìn) đồng. Anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 9.700.000 (chín triệu, bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.8 Về án phí dân sự sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Bị đơn anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 chịu 4.119.087 (bốn triệu, một trăm mười chín nghìn, không trăm tám mươi bảy) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần C chịu 4.119.087 (bốn triệu, một trăm mười chín nghìn, không trăm tám mươi bảy) đồng, được trừ vào số tiền 8.024.000 (tám triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn) đồng, tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại cổ phần C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004124 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh). Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 3.904.913 (ba triệu, chín trăm linh bốn nghìn, chín trăm mười ba) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4**.** Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh QN;
- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An